

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng

2. Ông Nguyễn Đức Khâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn A, xã M, tỉnh Lào Cai (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn A, xã M, tỉnh Lào Cai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi và anh Vũ Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 23/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra rất căng thẳng. Đến tháng 4/2025 do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng và anh L đã đuổi tôi ra khỏi nhà từ tháng 4/2025 và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian chúng tôi sống ly thân nhau anh L gọi điện chửi tôi. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Vũ Văn L.

Về con chung: Có 02 cháu Vũ Linh C sinh ngày 17/9/2014; Vũ Hoàng P sinh ngày 26/4/2017. Khi ly hôn tôi và anh L đã thoả thuận tôi nuôi cháu P, anh L nuôi cháu C. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Công việc của tôi làm nghề tự do thu nhập bình quân 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng một

tháng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Văn L trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 23/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H dẫn bạn trai về nhà chơi lúc đó là 10 giờ tối ngày tôi không nhớ, hôm đó tôi đi làm không có ở nhà. Sau đó vợ chồng mâu thuẫn xảy ra căng thẳng, cãi chửi nhau. Vợ chồng hàn gắn lại với nhau được khoảng 3 tháng đến 4 tháng sau đó mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra, tôi nghi ngờ vợ tôi vẫn liên lạc với người tình của vợ. Về việc tôi nghi ngờ vợ tôi ngoại tình thì tôi không có căn cứ gì nộp cho Tòa án nhưng vợ tôi có nhận với gia đình nội ngoại hai bên là có bạn trai. Đến tháng 4/2025 tôi đuổi vợ tôi ra khỏi nhà và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị H xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu Vũ Linh C sinh ngày 17/9/2014; Vũ Hoàng P sinh ngày 26/4/2017. Khi ly hôn tôi và chị H đã thỏa thuận tôi nuôi cháu C và tôi đồng ý chị H nuôi cháu P. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Công việc của tôi làm nghề tự do, thu nhập một tháng khoảng 7.000.000 đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng các đương sự không thống nhất được về quan hệ hôn nhân. Về con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự đã thỏa thuận được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn L.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Vũ Linh C sinh ngày 17/9/2014 cho anh Vũ Văn L nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Hoàng P sinh ngày 26/4/2017 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh L đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 23 tháng 12 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp.

Chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra rất căng thẳng. Đến tháng 4/2025 do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng và anh L đã đuổi chị H ra khỏi nhà. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 4/2025 cho đến nay. Trong thời gian anh chị sống ly thân nhau anh L gọi điện chửi chị H. Anh chị sống không ai quan tâm đến ai từ tháng 4/2025 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H đề nghị được ly hôn anh L.

Còn anh L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H dẫn bạn trai về nhà chơi lúc đó là 10 giờ tối ngày anh không nhớ, hôm đó anh đi làm không có ở nhà. Sau đó vợ chồng mâu thuẫn xảy ra căng thẳng, cãi chửi nhau. Vợ chồng hàn gắn lại với nhau được khoảng 3 tháng đến 4 tháng sau đó mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra, anh nghi ngờ chị H vẫn liên lạc với người tình của chị H. Đến tháng 4/2025 anh đuổi chị H ra khỏi nhà và anh chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị H xin ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay chị H và anh L đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Vũ Linh C sinh ngày 17/9/2014; Vũ Hoàng P sinh ngày 26/4/2017. Chị H và anh L đã thoả thuận chị H nuôi cháu P; anh L nuôi cháu C. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Việc thoả thuận về

con chung của các đương sự là phù hợp không trái quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh L đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn L.

2. Về con chung: Có 02 cháu Vũ Linh C sinh ngày 17/9/2014; Vũ Hoàng P sinh ngày 26/4/2017.

Chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi cháu Vũ Hoàng P cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Vũ Văn L trực tiếp nuôi cháu Vũ Linh C cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số: 0000248 ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại Thị hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- THADS tỉnh Lào Cai
- Các đương sự (2)
- UBND xã M
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng